TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-01-2019
"*V/v Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh

***Hội thẩm nhân dân*:**

- Ông Chau Khiêng Sóc.

- Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc " *Tranh chấp ly hôn* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Kiều Ph, sinh năm 1981, địa chỉ: Tổ 17, ấp C, xã L, huyện T, An Giang – Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ 17, ấp C, xã L huyện T, An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 04 tháng 7 năm 2018 và lời khai tại Tòa án, chị Phạm Kiều Ph trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn L quen biết, do tự tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức lễ cưới tháng 8 năm 2008 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc và chỉ được trong khoảng thời gian ngắn, chị và anh L

xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống, đỉnh điểm năm 2015 chị có làm xin ly hôn với anh L và được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết. Trong quá trình giải quyết, hòa giải, Tòa án vận động chị rút đơn và sống đoàn tụ, tuy nhiên trong cuộc sống giữa chị và anh L luôn có sự bất đồng, anh L không quan tâm, chia sẻ, thường xuyên nhậu nhẹt, không lo phát triển kinh tế, giữa chị và anh L bao giờ cũng có sự ghen tuông lẫn nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã Vy, sinh ngày 15/01/2011, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của chị Ph về điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống như chị Ph đã trình bày, anh thừa nhận giữa anh và chị Ph có mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống, chị Ph xem thường anh là không biết làm kinh tế bên ngoài, hỗn xược với người lớn, nay chị Ph yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Ph có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã V, sinh ngày 15/01/2011, khi ly hôn con chung anh không ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên Tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên Tòa Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 68, 97, 195 và Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán để án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Hội đồng xét xử*: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chấp hành chưa đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh L là bị đơn có nơi cư trú: Tổ 17, ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa lần thứ nhất và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Văn L. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Chị Ph cho rằng năm 2008 chị và anh L được hai gia đình tổ chức lễ cưới khoảng tháng 8/2008, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, ngày 01/10/2008. Tại thời điểm kết hôn chị Ph và anh L đã đủ độ tuổi và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 8 và 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo chị Ph cho rằng cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, khoảng năm 2015 thì chị và anh L phát sinh mâu thuẫn, chị có làm xin ly hôn với anh L và được Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết, trong quá trình giải quyết, hòa giải, Tòa án vận động chị rút đơn và sống đoàn tụ, với mong muốn cuộc sống vợ chồng có sự thay đổi, hạnh phúc, tuy nhiên trong cuộc sống giữa chị và anh L luôn có mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống, chị và anh L bao giờ cũng có sự ghen tuông, nghi ngờ lẫn nhau, chứng tỏ điều này cho thấy tình cảm hai người không thể hàn gắn, tuy nhiên bản thân anh L cũng thừa nhận giữa anh và chị Ph có mâu thuẫn và bất đồng trong quan điểm sống.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Ph cương quyết ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân thì cũng không đem lại hạnh phúc, do đó yêu cầu ly hôn của chị Ph đối với anh L là có căn cứ chấp nhận và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ph được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Chị Ph và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Nhã V, sinh ngày 15/01/2011, khi ly hôn chị Ph có nguyện vọng được nuôi con. Tại biên bản lấy

lời khai cháu Nguyễn Ngọc Nhã Vy ngày 16/11/2018 chau Vy có nguyện vọng sống với mẹ, để đảm bảo tâm sinh lý và cuộc sống bình thường, nên giao cháu Vy cho chị Ph được tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Ph không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph, anh L xác nhận là không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Ph khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Kiều Ph đối với anh Nguyễn Văn L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Kiều Ph được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. *Về nuôi con chung*: Chị Phạm Kiều Ph được trực tiếp nuôi dạy cháu Nguyễn Ngọc Nhã Vy ngày 15/01/2011, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. *Về án phí*: Chị Phạm Kiều Ph chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2015/0001660 ngày 16/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh An Giang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh